

Số: 68.16/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Tp.HCM, ngày 16 tháng 08 năm 2016.

## CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2016 so với 6 tháng đầu năm 2015)

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2016 (kỳ báo cáo) so với 6 tháng đầu năm 2015 như sau :

CHỈ TIÊU	Mã số	Hiện tại	Cùng kỳ năm trước	Tăng (+) Giảm (-)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	8,239,373,926	1,096,468,847	7,142,905,079	651%
a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTP	01.1	3,799,015,485	5,226,441	3,793,789,044	72588%
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	2,936,294,381	165,394,596	2,770,899,785	1675%
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTP	01.3	1,504,064,060	925,847,810	578,216,250	62%
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	5,327,622,218	15,958,619,451	(10,630,997,233)	-67%
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	67,529,648,824	17,514,978,163	50,014,670,661	286%
1.6 Doanh thu môi giới chứng khoán	06	49,037,987,202	18,195,335,392	30,842,651,810	170%
1.7 Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	38,224	-		
1.8 Doanh thu tư vấn	08	158,181,818	3,000,000	155,181,818	5173%
1.10 Doanh thu lưu ký chứng khoán	10	1,220,398,397	347,549,432	872,848,965	251%
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	6,861,999	5,256,787	1,605,212	31%
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20=01-&gt;11)</b>	<b>20</b>	<b>131,520,112,608</b>	<b>53,121,208,072</b>	<b>78,398,904,536</b>	<b>148%</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	307,910,039	34,711,498	273,198,541	787%
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	307,910,039	34,711,498	273,198,541	787%
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	21.2				
2.3 Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	23				
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26	176,847,036	143,552,945	33,294,091	23%
2.7 Chi phí môi giới chứng khoán	27	36,563,046,114	11,740,853,536	24,822,192,578	211%
2.9 Chi phí tư vấn	29	339,208,499	310,497,316	28,711,183	9%
2.11 Chi phí lưu ký chứng khoán	31	1,411,768,789	455,117,305	956,651,484	210%
<b>Cộng chi phí hoạt động (40=21-&gt;33)</b>	<b>40</b>	<b>38,798,780,477</b>	<b>12,684,732,600</b>	<b>26,114,047,877</b>	<b>206%</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	2,225,018,250	450,010,373	1,775,007,877	394%
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	563,569,963	572,569,750	(8,999,787)	-2%
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50=41-&gt;44)</b>	<b>50</b>	<b>2,788,588,213</b>	<b>1,022,580,123</b>	<b>1,766,008,090</b>	<b>173%</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>					
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51	-	554,069,763	(554,069,763)	-100%
4.2 Chi phí lãi vay	52	6,333,904,810	441,376,856	5,892,527,954	1335%

Cộng chi phí tài chính (60=51->54)	60	6,333,904,810	995,446,619	5,338,458,191	536%
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61	-	-	-	
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	25,844,054,053	17,797,562,580	8,046,491,473	45%
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-61-62)	70	63,331,961,481	22,666,046,396	40,665,915,085	179%
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
8.1 Thu nhập khác	71	341,519	32,622,247	(32,280,728)	-99%
8.2 Chi phí khác	72	35,452	1	35,451	
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80	306,067	32,622,246	(32,316,179)	-99%
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70+80)	90	63,332,267,548	22,698,668,642	40,633,598,906	179%
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91	58,170,973,167	24,735,274,046	33,435,699,121	135%
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92	5,161,294,381	(2,036,605,404)	7,197,899,785	-353%
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	12,558,814,306	-	-	
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	13,119,637,944	-	-	
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	(560,823,638)	-	-	
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200=90-100)	200	50,773,453,242	22,698,668,642	28,074,784,600	124%
11.1 Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	201				
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300	-	-	-	
Tổng thu nhập toàn diện	400	50,773,453,242	22,698,668,642	28,074,784,600	124%
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401	50,773,453,242	22,698,668,642	28,074,784,600	124%
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	-	-	-	
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	456.28	203.98	252	124%

Trong 6 tháng đầu năm 2016, lợi nhuận sau Thuế của công ty đạt 50,7 tỷ đồng, tăng 28 tỷ đồng (tương ứng tăng 124%) so với cùng kỳ năm trước do tốc độ tăng doanh thu tăng nhiều so với tốc độ tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, cụ thể là :

- Tổng doanh thu tăng 78,4 tỷ đồng (148%) so với kỳ trước chủ yếu do doanh thu môi giới tăng 30.8 tỷ (170%) & doanh thu các khoản cho vay tăng 50 tỷ (286%)
- Trong khi đó, chi phí QLDN (định phí) chỉ tăng 26,1 tỷ (206%) do mở thêm chi nhánh mới.

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng !



Tổng giám đốc

Oh Kyung Hee